TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/DS-ST
Ngày: 17-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cảnh
2. Ông Trần Văn Ân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm *tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (S).

Địa chỉ: đường N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Hoàng C – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh B.

Địa chỉ: Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1985. Địa chỉ: khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre theo giấy ủy quyền ngày 26/6/2019. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng

như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh T trình bày:

Vào ngày 20/8/2012, bà Hồ Thị N có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh B – Phòng giao dịch huyện G giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng. Qua xác minh thực tế nhu cầu của khách hàng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà N, loại thẻ nội địa Family. Hình thức là vay tín chấp, mục đích vay tiêu dùng, nếu sử dụng thẻ để rút tiền mặt thì sẽ phát sinh lãi suất ngay sau khi rút tiền, nếu sử dụng thanh toán tiêu dùng không tiền mặt thì sau thời hạn 55 ngày sẽ phát sinh lãi trên số tiền rút. Bà N được cấp hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận khi làm hợp đồng là 2,5%/tháng (theo thông báo lãi suất số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012), lãi suất phạt chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 20/9/2012 đến ngày 21/01/2018, bà N đã rút tiền nhiều lần và có thanh toán tiền cho Ngân hàng. Đến ngày 22/01/2018 thì bà N không thực hiện thanh toán dẫn đến thẻ tín dụng bị quá hạn. Tính đến ngày 22/5/2018, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 5.566.885 đồng và đến nay không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ vốn, cũng như tiền lãi. Đến ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2019 bà N còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 9.136.852 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 5.566.885 đồng, lãi trong hạn là 2.379.978 đồng và lãi quá hạn là 1.189.989 đồng). Do bà N đã vi phạm hợp đồng tại điều 23 và điều 32 của phụ lục điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 20/8/2012 nên ngân hàng đã đình chỉ hợp đồng thẻ tín dụng nêu trên. Nay Ngân hàng yêu cầu bà N trả cho Ngân hàng ngay một lần số tiền nợ 9.136.852 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất, lãi quá hạn trên dư nợ gốc cho đến khi bà N trả hết nợ.

Bị đơn bà Hồ Thị N đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời bà N đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà N không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà N trả số tiền tạm tính đến ngày 17/9/2019 là 9.136.852 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số gốc từ ngày 18/9/2019 đến khi bà N trả hết nợ theo mức lãi suất nợ trong hạn là 2,5%/tháng và lãi quá hạn là

1,25%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự và đại viện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị N trả tiền nợ thẻ tín dụng là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo xác nhận của Công an xã L, huyện G và xác minh của Tòa án xác định bà Hồ Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay bà N không có mặt tại địa phương. Mặc dù, bà N không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên nhưng tại thời điểm giao kết hợp đồng bà N còn sinh sống và sử dụng địa chỉ này để giao kết, thực hiện hợp đồng với Ngân hàng. Đồng thời trong hợp đồng bà N cũng cung cấp địa chỉ nơi làm việc tại ấp H, xã L, huyện G nhưng bà N đã nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/3/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú, làm việc mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 2 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Do đó, tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Hồ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như bà N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các chứng cứ đã thu thập được để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án là phù hợp. Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/8/2012 thể hiện bà N có giao kết hợp đồng với Ngân hàng yêu cầu cấp thẻ tín dụng, loại thẻ nội địa Family, hạn mức được cấp là 15.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, hình thức vay tín chấp. Lãi suất do hai bên thỏa thuận và đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ (theo thông báo số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012 do Ngân hàng cung cấp thì lãi suất thẻ tín dụng

Family là 2,5%/tháng). Lãi suất quá hạn do vi phạm hợp đồng bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi giao kết hợp đồng từ ngày 20/8/2012 đến ngày 21/01/2018, bà N đã nhiều lần rút tiền và có thanh toán tiền cho Ngân hàng đầy đủ nhưng từ ngày 22/8/2018 đến nay thì bà N không thực hiện thanh toán gốc và lãi khi đến hạn cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại điều 23 và điều 32 của phụ lục điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào bản tóm tắt sao kê tạm tính đến ngày 17/9/2019 do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng từ ngày 22/01/2018 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền vốn thẻ tín dụng còn nợ 5.566.885 đồng là có cơ sở được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính tiền lãi suất: Ngân hàng yêu cầu bà N trả tiền lãi tạm tính đến ngày 17/9/2019 với số tiền lãi trong hạn là 2.379.978 đồng và lãi quá hạn là 1.189.989 đồng. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 18/9/2019 cho đến khi bà N trả hết nợ. Xét thấy, bà N không thanh toán tiền vốn và tiền lãi trong thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Theo thông báo số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012 thì lãi suất thẻ tín dụng Family là 2,5%/tháng (tương đương 30%/năm) và lãi suất quá hạn được quy định tại điều 23 về điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng bằng 150% lãi suất trong hạn. Mức lãi suất này là cao hơn so với lãi suất quy định của pháp luật dân sự. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại Điều 7, khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi suất, lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng, đồng thời tòa án không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật dân sự để xác định lãi, lãi suất. Theo đó tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định lãi suất do Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận. Như vậy, hai bên thỏa thuận bà N đồng ý với mức lãi suất 2,5%, cũng như lãi suất vi phạm bằng 150% lãi trong hạn. Bà N đã tự nguyện giao kết hợp đồng và đồng ý với các điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng nhưng lại vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu tính lãi suất và lãi suất quá hạn đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu bà N tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 18/9/2019 theo mức lãi suất nợ trong hạn là 2,5% và lãi suất nợ quá hạn là 1.25% (bằng 150% lãi suất nợ trong hạn) cho đến khi trả tất nợ. Xét thấy, yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở, không trái với quy định của pháp luật được chấp nhận.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ được chấp nhận. Buộc bà N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến

ngày 17/9/2019 tổng cộng là 9.136.852 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 5.566.885 đồng; lãi trong hạn là 2.379.978 đồng và lãi quá hạn là 1.189.989 đồng. Bà N còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên nợ gốc từ ngày 18/9/2019 cho đến khi trả tất nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí theo quy định là 9.136.852 đồng x 5% = 456.842 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Hồ Thị N.

Buộc bà Hồ Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ tổng cộng là 9.136.852đ (Chín triệu một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi hai đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 5.566.885 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 2.379.978 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 1.189.989 đồng.

Bà N còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số nợ gốc còn phải trả cho Ngân hàng kể từ ngày 18/9/2019 theo mức lãi suất nợ trong hạn là 2,5%/tháng và lãi quá hạn là 1,25%/tháng cho đến khi trả tất nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị N phải chịu là 456.842đ (Bốn trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0004155 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang